

UBND XÃ PHÚC SƠN
TRƯỜNG MN PHÚC LÂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 41/CTGD-MNPL

Phúc Lâm, ngày 08 tháng 09 năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH **GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025 - 2026**

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021- Thông tư ban hành chương trình GDMN.

Căn cứ kế hoạch số 73a/KH-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2021 Kế hoạch phát triển giáo dục Mầm non Xã Phúc Lâm giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 48/KH-MNPL Ngày 4 tháng 5 năm 2021 Kế hoạch phát triển giáo dục Mầm non giai đoạn 2021-2025

Căn cứ kết quả thực hiện Chương trình giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 và tình hình thực tế CSVN, đội ngũ giáo viên, nhân viên, khả năng của trẻ trong nhà trường, bản sắc văn hóa địa phương...

Trường Mầm non Phúc Lâm xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026 như sau:

I. BỐI CẢNH NHÀ TRƯỜNG:

1. Điểm mạnh:

* Về cơ sở vật chất:

Nhà trường có 01 điểm có diện tích đất là 5300m², được đặt tại vị trí trung tâm xã Phúc Lâm có 22 phòng học, các phòng chức năng và các công trình phụ trợ khác. Các phòng học, các phòng chức năng và phòng làm việc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng học tập đảm bảo cho công tác NDCSGD của cô và trò nhà trường. Môi trường giáo dục đảm bảo Xanh-sạch-đẹp-an toàn đảm bảo có trên 50% diện tích sân vườn là sân cỏ.

*Về đội ngũ: Nhà trường có 71 CB-GV-NV. Trong đó, cán bộ quản lý 03, trình độ chuyên môn trên chuẩn 03; Giáo viên 48, đạt chuẩn 48/48 tỉ lệ 100%, trên chuẩn 39/48 tỉ lệ 81 % Nhân viên 20, đạt chuẩn 18/20 tỉ lệ 90%, trên chuẩn 10/20 tỉ lệ 50%.

Đội ngũ giáo viên trẻ, năng động, sáng tạo và được nhà trường phân công nhiệm vụ hợp lý, phát huy năng lực của từng người. Chính vì vậy, tỷ lệ giáo viên giỏi cấp trường hàng năm là 100%, 100% giáo viên dự thi đạt giáo cấp huyện đạt giải cao, trong nhiều năm học có giáo viên đạt giải cấp Thành phố. Ban giám hiệu luôn chú trọng công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức nghề nghiệp, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng nghề và tạo điều kiện để các đồng chí tiếp cận phương pháp mới, Phương pháp giáo dục tiên tiến. Đồng thời tạo mọi điều kiện tốt về mọi mặt cho CB-GV-NV yên tâm công tác.

*Về phía trẻ:

Năm học 2024-2025 nhà trường có 21 nhóm lớp với tổng số trẻ là 567 trẻ; 100% trẻ được ăn bán trú tại trường, 100% trẻ được CSNDGD theo chương trình giáo dục mầm non, được tham gia các hoạt động giáo dục ứng dụng Phương pháp

tiên tiến STEAM, Montessori. Hàng năm chất lượng NDCSGD trẻ luôn được duy trì và nâng cao. Trẻ khỏe mạnh, đoàn kết thân thiện với bạn, yêu trường yêu lớp. Có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường sống, có nề nếp thói quen phù hợp với độ tuổi.

*Về phía phụ huynh:

Đa số phụ huynh có thu nhập ổn định, có trách nhiệm và phối hợp tốt với giáo viên và nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ và hoạt động của nhà trường.

2. Điểm yếu:

- Phòng học dùng hoạt động chung cho trẻ diện tích chưa đảm bảo yêu cầu hiện nay. Một số công trình phụ trợ như hệ thống điện, nước, cửa đã xuống cấp chưa được sửa chữa, cải tạo; đồ dùng, thiết bị qua nhiều năm sử dụng đã cũ, hỏng;

- Một số giáo viên sử dụng CNTT, kỹ năng sư phạm còn hạn chế;

- Đa số các bậc cha mẹ đi buôn bán nên việc đưa đón trẻ chủ yếu là ông bà nên việc trao đổi thông tin hai chiều còn bất cập.

II. TRIẾT LÝ CỦA NHÀ TRƯỜNG:

1. Tầm nhìn:

- Trường mầm non Phúc Lâm trở thành trường đứng đầu huyện Mỹ Đức và có thể hội nhập với các trường chất lượng cao trong thành phố Hà Nội; là nơi ươm mầm trí tuệ cho trẻ phát triển toàn diện, tự tin, có tư duy sáng tạo và thích học hỏi và học tập suốt đời.

2. Sứ mệnh:

- Cung cấp một môi trường học tập an toàn, sáng tạo và đầy cảm hứng, giúp trẻ em phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, xã hội và tình cảm, để trở thành những đứa trẻ tự tin, có ý thức trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội rộng lớn.

3. Giá trị cốt lõi:

1. Tạo ra một ***"Môi trường học tập an toàn, lành mạnh để bảo vệ sức khỏe và phát triển toàn diện cho trẻ"***. ***"Nơi ươm mầm trái tim và tâm hồn của tương lai"***

2. ***"Tôn trọng, công bằng với mọi trẻ em"***, không phân biệt sự khác biệt của trẻ, giới tính hay điều kiện kinh tế-xã hội để ***"Mọi trẻ em có những phẩm chất, năng lực, kỹ năng cùng nhau tạo nên những điều kỳ diệu"***.

3. Khuyến khích trẻ em khám phá, sáng tạo và học hỏi qua trải nghiệm, tạo môi trường giàu cảm hứng để trẻ em ***"Khám phá - Sáng tạo - Vươn cao"***.

3. Xây dựng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với gia đình, tạo cơ hội cho cha mẹ tham gia vào quá trình giáo dục của con để tạo nên ***"Sự gắn kết gia đình - trường học- Nơi ươm mầm những tâm hồn tự tin, hiếu học"***

Trường mầm non Phúc Lâm mong muốn Chăm sóc nuôi dưỡng và phát triển những công dân Tự tin, ham học hỏi, biết cách hợp tác, giải quyết vấn đề và thích ứng với những thay đổi trong thế giới ngày càng hiện đại hóa.

III. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

A. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ 18 – 36 THÁNG

1. MỤC TIÊU:

1.1. Phát triển thể chất:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi 18-36 tháng.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

- Biết 1 số nguy cơ không an toàn và không đến gần.

1.2. Phát triển nhận thức:

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

- Có một số khái niệm sơ đẳng về toán: Hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian.

1.3. Phát triển ngôn ngữ:

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

1.4. Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội thâm mỹ:

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt:
- ***Biết xếp hàng chờ đến lượt, cách dùng thìa, cách ngồi ghế...***
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...

- Thể hiện kỹ năng nhún nhảy theo các bản nhạc, bài hát.

2. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN:

2.1. Phân phối chương trình:

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong trường mầm non Phúc Lâm. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hàng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt 18-24 tháng, 24-36 tháng phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của trường, lớp;

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Chế độ sinh hoạt một ngày:

THỜI GIAN		HOẠT ĐỘNG
MÙA HÈ	MÙA ĐÔNG	

6h45 – 8h00	7h00- 8h00	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng, điểm danh, trò chuyện buổi sáng 50 - 60 phút
8h 00– 8h30	8h00 – 8h30	Hoạt động chơi tập có chủ đích 20 – 30 phút
8h30 – 9h10	8h30- 9h10	Hoạt động ngoài trời 30-40 phút
9h10 – 10h00	9h10- 10h00	Chơi ở các góc 50 phút
10h00 -11h00	10h00- 11h00	Chuẩn bị - vệ sinh - Ăn bữa chính 50 - 60phút
11h 00–13h30	11h00 -13h30	Vệ sinh - Ngủ trưa 140 - 150 phút
13h30 -14h	13h30-14h	Vệ sinh - Ăn bữa phụ 20 - 30 phút
14h –15h00	14h –15h00	Hoạt động chơi tập buổi chiều 50 - 60 phút
15h00 - 16h00	15h00 - 16h00	Vệ sinh - Ăn bữa chính 50 - 60 phút
16h00 -17h00	16h00 -17h00	Chơi,vệ sinh, trả trẻ 50 – 60 phút

3. NỘI DUNG:

3.1.Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe:

a. Tổ chức ăn

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu năng lượng tại trường mầm non/ ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
18 – 24 tháng	Cháo + Cơm nát	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal
24 - 36 tháng	Cơm thường		

- Số bữa ăn tại trường mầm non Phúc Lâm: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày;

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa. (**Mùa hè-Thu, đông**)

- **Tăng cường lượng rau xanh qua các món xào trong thực đơn mỗi tuần 2-**

3 bữa: súp rau, củ, bánh củ quả, nước ép rau củ quả;

b. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 18 tháng đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

c. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

d. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

3.2. Giáo dục:

a. Giáo dục phát triển thể chất

*** Phát triển vận động**

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.

- Các vận động cơ bản và phát triển tổ chất vận động ban đầu.

- Các cử động bàn tay, ngón tay.

*** Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

- Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.

- Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.

- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

*** Phát triển vận động**

Nội dung	18 - 24 tháng tuổi	24 – 36 tháng
1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	- Hô hấp: tập hít thở. - Tay: giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. - Chân: dang sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên. - Tập với bài hát có lời ca	- Hô hấp: tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân. - Tập với bài hát có lời ca theo chủ đề - Tập theo cô thể dục nhịp điệu buổi sáng kết hợp với các bài hát, bản nhạc.
2. Các vận động cơ bản và phát triển tổ chất vận động ban đầu	- Tập bò, trườn: + Bò, trườn tới đích. + Bò chui (dưới dây/gậy kê cao). - Tập đi, chạy: + Đi theo hướng thẳng. + Đi trong đường hẹp. + Đi bước qua vật cản. - Tập bước lên, xuống bậc thang 15 cm	- Tập bò, trườn: + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò, trườn qua vật cản. + Bò chui qua vòng. + Bò theo hướng thẳng với khoảng cách 4-6m. - Tập đi, chạy, đá: + Đứng co 1 chân.

	- Tập tung, ném: + Ngồi lăn bóng. + Đứng ném, tung bóng. + Đá bóng về phía trước + Tung bóng bằng 2 tay	+ Đi theo hiệu lệnh: Đổi hướng, đi vòng tròn, theo nhóm, đi nối theo nhau, theo đường ngoằn ngoèo + Đi trong đường hẹp + Đi bước qua chướng ngại vật. + Đi trên ghế thể dục có mang vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. + Đi bộ trên mũi bàn chân + Đi bộ theo đường đích đặt. + Đi qua các chướng ngại vật + Chạy theo nhóm, qua chướng ngại vật. + Chạy trên mũi bàn chân. + Đứng co 1 chân. + Đá bóng lăn xa 1,5m + Đá bóng vào lưới 1,5m - Tập nhún bật: + Bật tại chỗ để chạm vật treo trên đầu. + Bật qua vạch kẻ (bật xa). + Nhảy qua các chướng ngại vật cao 5-10cm. + Bật nhảy luân phiên chân nọ chân kia. - Tập tung, ném, bắt: + Lăn bóng về trước (cho cô, cho bạn). + Lăn bóng vào cổng, qua khe hẹp. + Tung bóng cho cô và bắt bóng. + Ném xa bằng hai tay (ném xa, qua dây, qua lưới). + Ném xa bằng 1 tay (Tùng tay). - Giao lưu các trò chơi vận động phù hợp với sự kiện chủ đề. - Làm quen với bài tập yoga giúp trẻ tăng cường thể chất
3. Các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Đóng mở nắp có ren. - Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Xếp chồng 4 - 5 khối. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 - 8 khối.

		- Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. - Thực hành một số kỹ năng bằng phương pháp giáo dục Montesory: Xâu hạt, Gấp hạt bông, xúc – chuyển vật bằng thìa, bằng nhíp, Xếp tháp... cài, cởi cúc áo, kéo khoá...Quét hạt trên khay,
--	--	---

*** Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

Nội dung	18 - 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
1. Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau. - Làm quen chế độ ngủ 1 giấc. - Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn. - Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Rèn kỹ năng xếp hàng chờ đến lượt.
2. Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt.	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Dọn, cất đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định cùng cô.
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	

b. Giáo dục phát triển nhận thức

*** Luyện tập và phối hợp các giác quan:**

Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.

*** Nhận biết**

- Một số bộ phận cơ thể của con người.
- Một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ.
- Một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ.
- Một số màu cơ bản (xanh, đỏ, vàng), kích thước (To – Nhỏ), hình dạng (Tròn, vuông), số lượng (một và nhiều), vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.
- Bản thân và những người gần gũi.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	18-24 tháng	24 – 36 tháng
1. Luyện tập và phối hợp các giác quan: <i>Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác</i>	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh. - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh. - Ngửi mùi của một số hoa, quả quen thuộc, gần gũi. - Nếm vị của một số quả, thức ăn.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn – chua) * Hoạt động montesste Góc cảm giác: - <i>Hoạt động Đối chiếu quả thật với thẻ hình</i> - <i>Hoạt động Đối chiếu các con vật với thẻ hình</i> - <i>Hoạt động Đối chiếu rau củ thật với thẻ hình, thẻ từ</i> - <i>Hoạt động xúc giác chân đi trên nước, cỏ, lá cây.</i> - <i>Hoạt động xúc giác: mềm và rắn</i>
2. Nhận biết: - <i>Một số bộ phận của cơ thể con người</i>	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
- <i>Một số đồ dùng, đồ chơi.</i>	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - <i>Biết sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc</i>	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. * Hoạt động montessori : - <i>Đối chiếu tìm cặp màu; Hoạt động với hộp trụ màu đỏ; Hoạt động với bộ trụ núm 4; Hộp thả</i>

		khối vuông; Nhận biết hình tròn – hình vuông (Bài 2); Hoạt động với tháp hồng(Bài 1); Hoạt động với tháp hồng (bài 2 – xếp ngang trên mặt phẳng); Hoạt động với gậy đỡ (Bài 1); Hoạt động với gậy đỡ (bài 2 – xếp chồng thành kim tự tháp) * Hoạt động trải nghiệm: - Làm đèn lồng; Làm quả bóng – Quả trứng từ giấy lụa;
- Một số phương tiện giao thông quen thuộc	- Tên của phương tiện giao thông gần gũi.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
- Một số con vật, hoa, quả quen thuộc	- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc. - Hoạt động trải nghiệm: Bóc quả; Bóc trứng; nhặt lá rụng; Tách ngô...	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Hoạt động trải nghiệm: Bóc quả; Bóc trứng; Làm bánh trôi; Sữa chua dầm quả, nhặt lá rụng; nhổ cỏ, tưới nước cho cây; Nhặt rau, Tách ngô...
- Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian	- Màu đỏ, xanh. - Kích thước to - nhỏ.	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều.
- Bản thân, người gần gũi	- Tên của bản thân. - Hình ảnh của bản thân trong gương. - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân. - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp. HD trải nghiệm: Làm bưu thiếp;

c. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

* Nghe

- Nghe các giọng nói khác nhau.
- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.

- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.

*** Nói**

- Phát âm các âm khác nhau.

- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.

- Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

*** Làm quen với sách**

- Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	18 - 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
1. Nghe	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	
	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: ở đâu?, con gì?,... thế nào? (gà gáy thế nào?), cái gì? làm gì? - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, chuyện kể đơn giản theo tranh.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.
2. Nói	- Phát âm các âm khác nhau - Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Trả lời và đặt câu hỏi: con gì?, cái gì?, làm gì? - Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản. - Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	- Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?... - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.
3. Làm quen với sách		- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. Mở sách xem tranh chỉ và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.

d. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

*** Phát triển tình cảm**

- Ý thức về bản thân.

- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.

*** Phát triển kỹ năng xã hội**

- Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.
- Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt.

*** Phát triển cảm xúc thẩm mỹ**

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.

- Nhún nhảy theo bài hát, bản nhạc;

- Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO TỪNG ĐỘ TUỔI

Nội dung	18 – 24 tháng	24 – 36 tháng
1. Phát triển tình cảm Ý thức về bản thân	Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.
- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh. - Hoạt động giao lưu giữa các bạn trong lớp. - Tham dự các hoạt động chủ đề, sự kiện như: Triển lãm các sản phẩm do cô và trẻ tạo ra; Biểu diễn văn nghệ tập thể; Tham quan...	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. - Hoạt động giao lưu giữa các lớp. - Tham gia các hoạt động chủ đề, sự kiện như: Triển lãm các sản phẩm do cô và trẻ tạo ra; Biểu diễn văn nghệ tập thể; Tham quan...
2. Phát triển kỹ năng xã hội - Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.	- Giao tiếp với cô và bạn. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi gần gũi. (Gà, vịt, chó, mèo).	- Giao tiếp với những người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Quan tâm đến các vật nuôi. (gà, vịt, chó, mèo).
- Hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”. - Tập làm theo một vài hành động xã hội đơn giản qua các trò chơi giả bộ (nghe điện thoại,	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chơi cùng bạn, không tranh giành đồ chơi

	chào, bế búp bê, ru búp bê ngủ...)	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.
3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ - <i>Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc</i>	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc. * Nhún nhảy theo cô hát:	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. Hát và tập vận động đơn giản, * Nhún nhảy theo bài hát: - Búp bê; Cùng múa vui; Rửa mặt như mèo; Éch ộp; Con gà trống. * Làm quen với các bài nhảy Dance: Alibaba; Toca toca; Cheri cheri lady mi mi mi; Nolen món quà mùa đông; Bắt kim thang; Kimi no toriko.
- <i>Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh</i>	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh truyện, ảnh về con vật quen thuộc, hoa, quả, PTGT gần gũi...	- Xem tranh. - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình.

4. Kết quả mong đợi

4.1. giáo dục phát triển thể chất

a) Phát triển vận động

Kết quả mong đợi	18 – 24 tháng	24 – 36 tháng
1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	Bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.	Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân. -Tập theo cô kết hợp với bài hát, bản nhạc
2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m.	2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.
	2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: biết lăn - bắt bóng với cô.	2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1 - 1,2m.

chất vận động ban đầu	2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.
	2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.	2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay	3.1. Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.
	3.2. Tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ.	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

Kết quả mong đợi	18 – 24 tháng	24 – 36 tháng
1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau (<i>súp rau củ, bánh củ quả, nước ép rau củ.</i>)	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. (<i>súp rau củ, bánh củ quả, nước ép rau củ.</i>)
	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.
	1.3. Biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	1.3. Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm cốc uống nước) <i>-Cách dùng thìa, cách ngồi ghế...</i>	2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).
		<i>- Cách dùng thìa, cách ngồi ghế...</i>
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn		2.2. Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.
	3.1. Biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun..) khi được nhắc nhở.	3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.

	3.2. Biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế..) khi được nhắc nhở.	3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,...) khi được nhắc nhở.
--	--	---

4.2. Giáo dục phát triển nhận thức

Kết quả mong đợi	18 – 24 tháng	24 – 36 tháng
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	Sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi	2.1. Bắt chước hành động đơn giản của những người thân.	2.1. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
	2.2. Chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	2.2. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.
	2.3. Chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	2.3. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.
	2.4. Chỉ/lấy/nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	2.4. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.
	2.5. Chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	2.5. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.
		2.6. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu. - Có một số khái niệm sơ đẳng về toán: Hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian.

4.3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

Kết quả mong đợi	18 – 24 tháng	24 – 36 tháng
------------------	---------------	---------------

1. Nghe hiểu lời nói	1.1. Thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay...	1.1. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.
	1.2. Hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”, “Không được sờ”,...	1.2. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “... làm gì?”, “..... thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)
	1.3. Trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”, “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”, ...	1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	2.1. Nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi, ...	2.1. Phát âm rõ tiếng.
	2.2. Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	3.1. Nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm; ...	3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.
	3.2. Chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...).	3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?,
		3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép.

4.4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

Kết quả mong đợi	18 – 24 tháng	24 – 36 tháng
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân	Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	1.1. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).
		1.2. Thể hiện điều mình thích và không thích.
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.

với con người và sự vật gần gũi	2.2. Cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. 2.3. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
	2.3. Thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	2.4. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản	3.1. Chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	3.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ả, vâng ả.
	3.2. Bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	3.2. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).
	3.3. Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Biết xếp hàng chờ đến lượt.
		3.3. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác. 3.4. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.
4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh	4.1. Thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.
	4.2. Thích vẽ, xem tranh.	4.2. Thích tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).
		4.3. Thể hiện kỹ năng nhún nhảy theo các bản nhạc, bài hát.

4. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

4.1. Các hoạt động giáo dục

a. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hờ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi.

b. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 18 đến 36 tháng tuổi.

c. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

d. Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

e. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

5. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

a. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

- Tổ chức các hoạt động thực hành kỹ năng sống đơn giản.

- Tổ chức các hoạt động Montesory.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm.

b. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

c. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

6. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

6.1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

6.2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

- Thực hiện phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm

- Vận dụng phương pháp Steam trong các hoạt động nhận biết, trải nghiệm.

6.3. Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

- Thực hiện phương pháp giáo dục Montesory;

- Vận dụng phương pháp Steam trong các hoạt động nhận biết, trải nghiệm.

b) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

- Vận dụng phương pháp Steam trong các hoạt động nhận biết, trải nghiệm.

6.4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ. Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

6.5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

7. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG

7.1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Các nguyên liệu thiên nhiên: lá, cành cây khô, hạt hạt, chỉ, cọng rơm, gỗ vụn...

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

+ Trẻ 18 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.

+ Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

- **Khu vui chơi thể chất, khu sáng tạo, góc thư viện, vườn rau, phòng học montesory...**

7.2. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

8. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

8.1 . Đánh giá trẻ hằng ngày

a.Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

b. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng, **kỹ năng sống** của trẻ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

8.2. Đánh giá theo giai đoạn

a. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

b. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

d. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

B. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

1. Mục tiêu

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: ***Khoẻ mạnh, tự tin, ham học hỏi, tò mò khám phá thế giới xung quanh, chủ động tìm tòi, sáng tạo, có kỹ năng giao tiếp, nếp sống văn minh lịch sự, hợp tác và làm việc nhóm hiệu quả, yêu thương chia sẻ với những người xung quanh, sẵn sàng bước vào trường tiểu học và học tập suốt đời.***

1.1. Phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

-Thực hiện được bài tập yoga có từ 4 - 5 tư thế (3-4 tuổi)

-Thực hiện được bài tập yoga có từ 5 - 7 tư thế (4-5 tuổi)

-Thực hiện được bài tập yoga có từ 7 - 10 tư thế (5-6 tuổi)

- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.

- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

1.2. Phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - ***Hiểu biết đặc điểm và quy trình làm bánh giàng truyền thống của Phúc Lâm***
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

1.3. Phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- ***Có khả năng lắng nghe và biết phát âm một số từ tiếng Anh đơn giản về tên một số loại quả, con vật, đồ vật xung quanh ...***

- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

1.4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- ***Yêu thích món bánh giàng truyền thống của thôn Phúc Lâm***

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

1.5. Phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp

- ***Thể hiện kỹ năng nhảy các động tác, các thể loại phù hợp với độ tuổi***

2. Kế hoạch thực hiện chương trình

2.1. Phân phối thời gian

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non.

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ở cơ sở giáo dục mầm non một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nền nếp, thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

THỜI GIAN		HOẠT ĐỘNG
MÙA HÈ	MÙA ĐÔNG	
6h45 – 8h20	7h00- 8h20	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng, điểm danh, trò chuyện buổi sáng 70 - 80 phút
8h20– 9h00	8h20– 9h00	Hoạt động chơi tập có chủ đích 30 – 40 phút
9h00 – 9h50	9h00 – 9h50	Chơi ở các góc 50 phút
9h50 – 10h30	9h50- 10h30	Hoạt động ngoài trời 30-40 phút
10h30 -11h30	10h30- 11h30	Chuẩn bị - vệ sinh - Ăn bữa chính 50 - 60phút
11h30–14h00	11h30 -14h00	Vệ sinh - Ngủ trưa 140 - 150 phút
14h00 -14h30	14h00- 14h30	Vệ sinh - Ăn bữa phụ 20 - 30 phút
14h30 –15h50	14h30-15h50	Hoạt động buổi chiều 70 - 80 phút
15h50 –17h00	16h00-17h00	Chơi,vệ sinh, trả trẻ 60 – 70 phút

3. Nội dung

3.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

a. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:
- + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.
- + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.
- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.
- + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

- + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

+ Tổ chức bữa ăn khay, bữa ăn gia đình, bữa ăn buffet.

b. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

- Nghe nhạc- nghe hát – nghe kể chuyện trước giờ ngủ, trong khi ngủ;

c. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân : **Trẻ tập vệ sinh cá nhân**

- Vệ sinh môi trường: **Trẻ cùng cô vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi.** -

Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

d. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
- **Nhận biết đồ dùng, nơi, hành động, sự việc có thể gây nguy hiểm không đến gần;**

3.2. Giáo dục

a. Giáo dục phát triển thể chất

Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

* **Phát triển vận động**

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chất trong vận động.

- **Tập các tư thế Yoga ;**

- Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

- **Hoạt động Montesory, Steam, thực hành kỹ năng cuộc sống;**

* **Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.

- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. Tập làm một số việc trong quy trình chế biến các món ăn đơn giản: **Dùng dao cắt hoa quả, dùng đũa gắp thức ăn, Vắt nước cam, sữa chua đậm hoa quả, gói bánh giàng...**

- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

a) **Phát triển vận động**

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	- Hô hấp: Hít vào, thở ra.		
	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.
	- Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải.	- Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải.	- Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.

		+ Nghiêng người sang trái, sang phải.	+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.
	- Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân. - Tập bài thể dục nhịp điệu theo bài hát, bản nhạc;	- Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. - Tập bài thể dục nhịp điệu theo bài hát, bản nhạc;	* Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. + Khuyu gối. + Nâng cao chân, gập gối. * Bật: + Bật tại chỗ. + Bật đưa chân sang ngang. + Bật về các phía. - Tập bài thể dục nhịp điệu theo bài hát, bản nhạc;

2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	* Đi và chạy: + Đi kiễng gót liên tục 3m. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt. + Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m). + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. + Chạy liên tục trong đường đích đặt (3 - 4 điểm đích đặt) không chệch ra ngoài. + Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng	- Đi và chạy: + Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích đặt (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m.	* Đi và chạy: + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn). - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đi theo đội hình đội ngũ, đi đều bước. + Đứng một chân trong 10 giây + Đi bước chéo sang ngang. + Chạy và vượt qua chướng ngại vật. + Chạy thay đổi tốc độ, đổi hướng theo theo hiệu lệnh. + Đi/ chạy đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần). + Đi, đập bắt bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp. + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. + Chạy 18m trong khoảng 5-7 giây. + Chạy chậm 100-120m + Chạy vượt chướng ngại vật.
	* Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích đặt. + Bò chui qua cổng. + Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	* Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m. + Bò đích đặt qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.	* Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân. + Bò đích đặt qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.

	+ Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm). + Trườn về phía trước.	+ Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 giống thang	+ Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Bò vòng qua 5-6 điểm đích cách nhau 1.5m theo đúng yêu cầu. + Trèo lên, xuống 7 giống thang. * Bật – nhảy: + Bật liên tục vào vòng. + Bật tách chân, chụm chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm.
	* Tung, ném, bắt: + Lăn bắt bóng với cô. + Ném xa bằng 1, 2 tay. + Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay. + Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. + Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). + Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Đi và đập bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.
	- Bật - nhảy: + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật xa 20 - 25 cm.	- Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm).	- Bật - nhảy: + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40 - 50cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm).

		+ Bật tách chân, khếp chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m.	+ Bật tách chân, khếp chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm. + Nhảy lò cò 5m
<i>-Tập các tư thế Yoga</i>	<i>Tập theo nhạc các tư thế yoga đơn giản: Cái cầu, con bướm, con thuyền, cái ghế, máy bay, con ếch, chiến binh</i>	<i>- Tập theo nhạc các tư thế yoga: Con rắn, con mèo, con khi, con voi hiền lành, con cá vàng lấp lánh, chú ếch vui nhộn, chào mặt trời;</i>	<i>-Tập theo nhạc các bài tập yoga + Thiền chuyển động + Kéo dài toàn thân + Siêu lạnh mùa hè + Hít thở và dẫn cơ + Thiền tĩnh tâm + Hít thở và tăng cơ + Đứng thẳng và đuổi người</i>
3.Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay -mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc. .. <i>-HĐ montesory: Mở và đóng hộp, Vặn ghép nắp hộp, Di chuyển đồ vật, Bóc chuyển hạt, Xúc hạt với thìa to, Xúc đá, Cách cầm kéo - dao - đĩa đưa cho người khác, Vắt bột biển vụn, Cách pha màu, Kẹp quần áo, Kẹp foorom, Sử dụng kẹp to, Kẹp bi, Gép bi,</i>	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây... <i>Dùng dao cắt dưa chuột, dùng đĩa gấp thức ăn, ...</i>	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây...rót, khuấy nước... <i>Dùng dao cắt hoa quả, dùng đĩa gấp thức ăn, ...</i>

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. - <i>Biết món bánh giàng truyền thống của Phúc lâm</i>	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - <i>Biết món bánh giàng truyền thống của Phúc lâm</i>	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - <i>Biết món bánh giàng truyền thống của Phúc lâm</i>
	<i>Vắt nước cam, phụ cô làm bánh giàng...</i>	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. <i>Vắt nước cam, sữa chua đậm hoa quả, làm bánh giàng...</i>	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. <i>Vắt nước cam, sữa chua đậm hoa quả, làm bánh giàng...</i>
	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		
2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. <i>MONTESSTORI + Đeo khẩu trang đúng cách</i> <i>+ Cách đội mũ bảo hiểm đúng cách, xúc miệng nước muối, Cách cài khuy áo, Cách kéo khóa áo, Cởi và mặc quần áo, Gấp quần áo, Cách bê ghế,</i>	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. <i>* Montessori:</i> <i>+ Cách đội mũ bảo hiểm đúng cách, Cách Gấp khăn, Gấp quần áo, Cài khuy kéo khóa móc cài khuy bấm, Kẹp quần áo, Đơm cúc áo, Bê ly nước, rót nước, Quét rác, Sử dụng đũa, cắt thức ăn mềm.</i>	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. <i>MONTESSTORI</i> <i>* Góc thực hành cuộc sống</i> <i>- Cách bê ghế, Gấp khăn, Gấp quần áo,</i> <i>- Cài khuy kéo khóa móc cài khuy bấm, Kẹp quần áo, Kẹp foorom, Sử dụng kẹp to, Kẹp bi, Gép bi, Đơm cúc áo</i> <i>- Hút nước với ống nhỏ mắt, Rót nước đến vạch kẻ, Bê ly nước, Rót hạt - rót nước</i> <i>- Thả hạt vào lọ,</i>

			Thả que vào ống, Xâu hạt to - Quét rác , Cách cầm kéo - dao - đĩa đưa cho người khác. Sử dụng đĩa
	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.		
	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.		
	- Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Thực hành: xúc miệng nước muối, rửa mặt, chải tóc, cắt móng tay, rửa tay	- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Thực hành cuộc sống: xúc miệng nước muối, xử lý khi ho, xì mũi, chải tóc, cắt móng tay, rửa mặt, rửa tay, đánh răng, nhận biết sạch – bẩn.	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Thực hành: xúc miệng nước muối, xử lý khi ho, xì mũi, gấp quần áo, sử dụng kéo, chải tóc, cắt móng tay, rửa mặt, rửa tay, đánh răng, tránh bị cảm lạnh, giữ ấm cơ thể
	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Một số kỹ năng xử lý khi bị bắt cóc, nhớ SĐT của bố mẹ.. Kỹ năng phòng tránh đuối nước, Kỹ năng thoát hiểm khi có cháy, An toàn khi sử dụng điện, An toàn với đồ sắc nhọn, bị bỏng, Bé làm gì khi bị đau, chảy máu.		

b. Giáo dục phát triển nhận thức
*** Khám phá khoa học**

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.

- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.
- * **Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán**
- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo quy tắc.
- Đo lường.
- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.
- * **Khám phá xã hội**
- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.
- Trường mầm non.
- Một số nghề phổ biến.
- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

* Khám phá khoa học

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Các bộ phận của cơ thể con người	Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	
2. Đồ vật: Đồ dùng, đồ chơi	Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	
	- STEAM: Xây cầu vòm, làm đường dẫn lên xuống cầu thang, Làm mũ, làm điện thoại có dây,	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - STEAM: Làm xích đu, hộp bút - STEAM: Điện thoại cốc giấy	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. - STEAM: Làm bàn tay hỗ trợ người khuyết tật, Làm khẩu trang,
Phương tiện giao thông	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và	Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao

	* STEAM: Làm ô tô từ vỏ hộp sữa,	phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - STEAM: Làm ô tô, làm thuyền...	thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu. STEAM: Làm ô tô chạy bằng nam châm, Làm tàu ngầm, Làm ô tô buýt có thể di chuyển được
3. Động vật và thực vật	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - HĐ trải nghiệm : , Sữa chua dầm quả, Vắt nước cam. Bóc quả, bóc trứng, tách ngô... * STEAM :Làm ổ rơm cho gà	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - HĐ trải nghiệm : Làm nước sinh tố hoa quả, Sữa chua dầm quả. - STEAM: Làm đồ chơi câu cá.	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - HĐ trải nghiệm : Làm nước sinh tố hoa quả, Sữa chua dầm quả.
		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
		- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.
	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	
	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - STEAM: Làm tổ chim, Chim vỗ cánh	
4. Một số hiện tượng tự nhiên: Thời tiết, mùa	Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.

Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. * STEAM: Làm đèn lồng, làm ống nhòm, chiếc lặn sắc màu nước,	Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
Nước	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. * STEAM: sức mạnh của nước, Làm cầu cho người đi bộ, làm thuyền cứu trợ,	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Chơi với cát – nước; - HĐ trải nghiệm: Sự hoà toan trong nước, Chìm - nổi - STEAM: Làm máy lọc nước, Làm nhà nổi chống lũ, Làm rô bốt	
			- Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Một số đặc điểm, tính chất của nước.
Không khí, ánh sáng,	Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Trải nghiệm: Ánh nắng, bóng của ánh nắng, lợi ích và ứng dụng của nắng trong cuộc sống, ánh nắng các thời điểm trong ngày/ theo mùa - STEAM: Làm dù bay	Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Trải nghiệm: Ánh nắng, bóng của ánh nắng, lợi ích và ứng dụng của nắng trong cuộc sống, ánh nắng các thời điểm trong ngày/ theo mùa. - Trải nghiệm: Xác định chiều gió, hướng gió, cảm nhận gió mạnh - Thí nghiệm: Nhốt không khí vào túi bóng - STEAM: Làm chuông gió, Làm túi thay thế túi nilong	
Đất đá, cát, sỏi	Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. Làm thí nghiệm về Đất đá, cát, sỏi		

*** Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán**

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.

1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm		vi 10 và đếm theo khả năng.	
	- 1 và nhiều.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.		- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
	<i>* HĐ MONTESSORI - Góc toán: Thang hạt cườm màu ngắn, Gậy đỡ, hộp que tính, Gậy số, Bộ cộng trừ, Quả cầu phân số, Bảng học đếm từ 1-100, Bộ thẻ số và chấm tròn</i>	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...). MONTESSORI <i>* Góc toán: Hộp que tính, gậy đỡ, gậy số, bộ cộng trừ, hộp que tính, Quả cầu phân số, bảng cộng trừ từ 1-100, Bộ thẻ số và chấm tròn, Thang hạt cườm màu ngắn.</i>	
2. Xếp tương ứng	Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi.		Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
3. So sánh, sắp xếp theo quy tắc	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	
	- Xếp xen kẽ.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp.	
4. Đo lường	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.		- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
	- Đo dung tích bằng một đơn vị đo.		- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
5. Hình dạng	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối

	các hình đó trong thực tế.	tròn, hình chữ nhật.	hình đó trong thực tế.
	- Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	- Lắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	
			- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian	Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
		- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần.

c) Khám phá xã hội

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. STEAM: Làm khung ảnh hình vuông - chữ nhật có thể đứng được

	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. STEAM :Làm quà tặng bạn, Làm hoa tặng mẹ,	- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. STEAM :Làm bưu thiếp tặng bạn, Làm hộp quà tặng mẹ,	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. STEAM:Làm bập bênh, Làm khẩu trang, Làm lật đật
2. Một số nghề trong xã hội	Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. -HĐ trải nghiệm : Làm bánh trôi. Bánh giàng, bánh trưng...	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. -HĐ trải nghiệm : Làm bánh trôi. Bánh giàng, bánh trưng...	
3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa	Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương. * MONTESSORI - Góc văn hóa: Thẻ quả cầu phân số, Ghép bản đồ Việt Nam, Cờ.	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. - Giáo dục nếp sống thanh lịch văn minh: Kỳ nghỉ cùng gia đình	

c. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

* Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.

- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

* Nói

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.

- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.

- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.

- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

- Bước đầu làm quen với tiếng Anh

*** Làm quen với việc đọc, viết**

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.
- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.
- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nghe	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.
	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.
	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	
	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.		
	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.		
2. Nói	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Tập phát âm tiếng Anh đơn giản	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Phát âm tiếng Anh đơn giản
	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?. - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?.

	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.		
	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		
	Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe	- Kể lại truyện đã được nghe.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.
	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.
	- Kể lại sự việc.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	- Kể lại sự việc theo trình tự.
	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	- Đóng kịch.	
3. Làm quen với đọc, viết	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)		
	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	- Nhận dạng một số chữ cái.	- Nhận dạng các chữ cái.
		- Tập tô, tập đồ các nét chữ.	
			- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.
	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.		
	- Cảm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.	

- Giữ gìn sách. *HĐMONTESSORI - Góc chữ cái: Chữ cái nhám cát Tiếng Việt, kệ đặt thẻ chữ cái nhám	- Giữ gìn, bảo vệ sách. MONTESSORI * Góc chữ cái: Thẻ chữ cái nhám tiếng việt
--	---

d. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

* Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

* Phát triển kỹ năng xã hội

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Quan tâm bảo vệ môi trường.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Phát triển tình cảm - Ý thức về bản thân	- Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích.	- Tên, tuổi, giới tính. - Sở thích, khả năng của bản thân.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.
			- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.
	- Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích. - Nói lên mong muốn	- Tên, tuổi, giới tính. - Sở thích, khả năng của bản thân. - Nói lên mong muốn - Gọi tên cảm xúc	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. - Nói lên mong muốn

			- Gọi tên cảm xúc - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...). - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. - Hoạt động giao lưu giữa các lớp. - Tham gia các hoạt động chủ đề, sự kiện như: Triển lãm các sản phẩm do cô và trẻ tạo ra; Biểu diễn văn nghệ tập thể; Tham quan...
	- Hoạt động giao lưu giữa các lớp. - Tham gia các hoạt động chủ đề, sự kiện như: Triển lãm các sản phẩm do cô và trẻ tạo ra; Biểu diễn văn nghệ tập thể; Tham quan...	- Hoạt động giao lưu giữa các lớp. - Tham gia các hoạt động chủ đề, sự kiện như: Triển lãm các sản phẩm do cô và trẻ tạo ra; Biểu diễn văn nghệ tập thể; Tham quan...	- Hoạt động giao lưu giữa các lớp. - Tham gia các hoạt động chủ đề, sự kiện như: Triển lãm các sản phẩm do cô và trẻ tạo ra; Biểu diễn văn nghệ tập thể; Tham quan...
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. - Thực hành kỹ năng sống : Lịch sự khi nhận quà, cách giữ bình tĩnh, tặng và nhận quà, Nơi an toàn ở đâu, Vượt qua nỗi sợ, Vượt qua cơn tức giận, Giúp mẹ việc nhà,	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. MONTESSORI * Góc cảm giác: Hộp âm thanh, Trục nôm, Chuông âm thanh - Thực hành kỹ năng sống : Khi bé thấy xấu hổ, cách giữ bình tĩnh, Phòng tránh động chạm

			<i>xấu, tốt và xấu, Lịch sự nhờ giúp đỡ.</i>
	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Kính yêu Bác Hồ.	
2. Phát triển kỹ năng xã hội	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).	
- <i>Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</i>	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Chờ đến lượt, hợp tác.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. <i>- Thực hiện một số hành vi văn minh, thanh lịch: Văn minh khi đi thang máy ; Gõ cửa phòng, bấm chuông cửa khi muốn vào...</i>
	- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	
	- Chơi hòa thuận với bạn.	- Quan tâm, giúp đỡ bạn.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.
	- Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.	- Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
- <i>Quan tâm đến môi trường</i>	- Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường: Vứt rác đúng nơi quy định... - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.		

e. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

* Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

* Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc, *nhảy các động tác, các thể loại phù hợp với độ tuổi*) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).

* Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. * HĐ MONTESSORI - Góc cảm giác: Hộp âm thanh, Trục nôm, Chuông âm thanh	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	
	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.

	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.
	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục.
	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Nhảy các động tác, các thể loại phù hợp với độ tuổi: Khiêu vũ, nhảy danc, hiphop: Nhà mình rất vui, tukatuka, tarzan, baby shark, cheri cheri, bông bông bang bang, boom boom, trống cơm, nổi vòng tay lớn, dady	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. - Nhảy các động tác, các thể loại phù hợp với độ tuổi: Nhảy theo nhạc tiktok, dance sport, dân ca...	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn). - Nhảy các động tác, các thể loại phù hợp với độ tuổi: Nhảy Erobic, Danpot, khiêu vũ thể thao, Nhảy theo nhạc Freaks, Múa duy băng, Theo nhạc sáng tạo Jess and Curly had a Farm, Yesh li yadayim....

- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. <i>*Thực hiện các dự án STEAM theo chủ đề, sự kiện.</i>	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. <i>*Thực hiện các dự án STEAM theo chủ đề, sự kiện.</i>	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. <i>*Thực hiện các dự án STEAM theo chủ đề, sự kiện.</i>
	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	
- Đặt tên cho sản phẩm của mình.		

4. KẾT QUẢ MONG ĐỢI

4.1. Giáo dục phát triển thể chất

a) Phát triển vận động

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn, kết hợp với bài hát, bản nhạc	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát.	Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m.	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây.
	2.2. Kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh

	- Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt dích dắc).	(đổi hướng ít nhất 3 lần).
	2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.	2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.
	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm dích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.
	2.5. Tập được bài Yoga có từ 4-5 tư thế	2.5. Tập được bài Yoga có từ 5-7 tư thế	2.5. Tập được bài Yoga có từ 7-10 tư thế
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay,	3.1. Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.	3.1. Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.	3.1. Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.

phối hợp tay - mắt	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ. - Tự cài, cởi cúc. - Tạo ra sản phẩm đơn giản trong các dự án Steam	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày. - Tạo ra sản phẩm đơn giản trong các dự án Steam	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya). - Tạo ra sản phẩm trong các dự án Steam
---------------------------	---	--	--

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá,... có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	1.1. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...
	1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau, - Biết tên các loại bánh (bánh trôi, bánh giày, bánh trưng...)	1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... - Biết tên các món ăn, các loại súp, các loại bánh, nước ép ...có trong bữa tiệc buffet	
	1.3. Biết ăn để chóng lớn, khỏe	1.3. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh,	1.3. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống

	mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt để béo phì không có lợi cho sức khỏe.
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo...	2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.
	2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. - Tập dùng đĩa, dùng thìa...	2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo. - Biết dùng dao cắt hoa quả, Thức ăn mềm, dùng thìa, dùng đĩa.
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi... Ăn uống lịch sự	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống: Ăn uống lịch sự - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã. - Cách dùng thìa gấp, cách ăn búpfe	3.1. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: Ăn uống lịch sự - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Cách dùng thìa gấp, cách ăn búpfe

	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.	3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp. - Thực hiện nếp sống văn minh, thanh lịch.
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	4.1. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.
	4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	4.2. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	4.2. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.
	4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cưỡi đùa trong khi ăn, uống	4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cưỡi đùa trong khi ăn, uống	4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi

	hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống.	hoặc khi ăn các loại quả có hạt...	ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,...
	- Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.
		4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.	4.4. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn:
	- Biết một số dấu hiệu khi bị bắt cóc để kêu cứu. - Biết làm theo hướng dẫn để thoát hiểm khi có cháy.	- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. - Biết một số kỹ năng xử lý khi bị bắt cóc, Kỹ năng phòng tránh đuối nước, Kỹ năng thoát hiểm khi có cháy, An toàn khi sử dụng điện, An toàn với đồ sắc nhọn,	+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. - Biết một số kỹ năng xử lý khi bị bắt cóc, Kỹ năng phòng tránh đuối nước, Kỹ năng

			<i>sử lý khi có cháy để thoát hiểm, An toàn khi sử dụng điện, An toàn với đồ sắc nhọn,</i>
			4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...

1.2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	1.1. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	1.1. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướt?....	1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...
	1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. <i>Biết kể đặc điểm nổi bật của bánh giàng</i>	1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. <i>Biết kể đặc điểm nổi bật của bánh giàng</i>	1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. <i>Thảo luận, nhận xét quy trình và làm bánh giàng</i>

	1.3. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.
	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.
	1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”	2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.
		2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	2.2. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các	3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	3.1. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	3.1. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.

cách khác nhau	3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...
-----------------------	--	--	---

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nhận biết số đếm, số lượng	1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	1.1. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...
	1.2. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
	1.3. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	1.3. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.
	1.4. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	1.4. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.
	1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	1.5. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.
		1.6. Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	1.6. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.
		1.7. Nhận biết ý nghĩa các con số	1.7. Nhận biết các con số được sử dụng

		được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	trong cuộc sống hàng ngày.
2. Sắp xếp theo quy tắc	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.
			2.2. Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.
			2.3. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
3. So sánh hai đối tượng	So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.
4. Nhận biết hình dạng	Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...).	Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.
		4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.
		5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.

c) Khám phá xã hội

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nhận biết bản thân,	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của	1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của	1.1. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới

gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.
	1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	1.2. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.
	1.3. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.
	1.4. Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.
		1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	1.5. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.
		1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	1.6. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh. - Biết xã Phúc Lâm có nghề làm bánh giàng.	Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện. - Trò chuyện kể quy trình làm bánh giàng ở xã Phúc Lâm	Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...” - Kể tên thực phẩm trong quy trình làm

			<i>bánh giàng ở xã Phúc Lâm</i>
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh	3.1. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 02/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”.
	3.2. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.

III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nghe hiểu lời nói	1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.
	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).
	1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	1.3. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.

2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	2.1. Nói rõ các tiếng.	2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	2.1. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.
	2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... <i>Nhìn hình ảnh và phát âm được một số từ đơn giản chỉ tên đồ chơi, hoa-quả, con vật màu sắc bằng tiếng anh có sự gợi ý của cô</i>	2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh. <i>Nhìn hình ảnh và phát âm được một số từ chỉ tên đồ chơi, hoa-quả, con vật màu sắc bằng tiếng anh</i>
	2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	2.3. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,...
	2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	2.4. Kể lại sự việc theo trình tự.	2.4. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật.
	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...
	2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	2.6. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
	2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.
	2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa,... trong giao tiếp.	2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn,	2.8. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ,

		cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	vâng... phù hợp với tình huống.
	2.9. Nói đủ nghe, không nói lý nhí.	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.
3. Làm quen với việc đọc - viết	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	3.1. Chọn sách để xem.	3.1. Chọn sách để “đọc” và xem.
	3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	3.2. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.
		3.3. Cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). - Đọc vẹt 5 số đầu bằng tiếng anh	3.3. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. - Đọc vẹt 7-10 số đầu bằng tiếng anh
		3.4. Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	3.4. Nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...
			3.5. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. - Nhận dạng 5-10 chữ cái tiếng anh
	3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	3.5. Sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	3.6. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.

IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
------------------	------------	------------	------------

1. Thể hiện ý thức về bản thân	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ. <i>- Biết số điện thoại của bố - mẹ.</i>	1.1. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. <i>- Biết số điện thoại 115, 114, 113</i>
	1.2. Nói được điều bé thích, không thích.	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.
			1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).
			1.4. Biết mình là con/ cháu/anh/chị/em trong gia đình.
			1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực	2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	2.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).
	2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...). <i>- Biết phối hợp cùng cô và bạn khi làm việc</i>	2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). <i>- Biết tự giác, phối hợp cùng người khác khi làm việc</i>	2.2. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. <i>- Thể hiện sự vui vẻ, tự giác khi được làm việc.</i>
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm	3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua	3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói,	3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận,

với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	cử chỉ, qua tranh, ảnh.	ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.
	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.
			3.3. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.
	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)
	3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. Mong muốn được đi Thăm Lăng Bác Hồ	3.5. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. Mong muốn được đi Thăm Lăng Bác Hồ
		3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	3.6. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời ông bà, bố mẹ.	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị,

			muốn đi chơi phải xin phép.
	4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.
	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.
		4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	4.4. Biết chờ đến lượt.
	4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	4.5. Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.
			4.6. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). - Thể hiện nếp sống văn minh thanh lịch.
5. Quan tâm đến môi trường	5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. 5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	
	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.
		5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.	5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).
		5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi

			nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.
--	--	--	---

V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	1.1. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.
	1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	1.2. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.
	1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	1.3. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...

	2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	2.2. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).
	2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	2.3. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.
	2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	2.4. Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
	2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	2.5. Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
	2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	2.6. Làm lồm, đổ bột, bẻ lẻo, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	2.6. Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.
	2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham	3.1. Vận động theo ý thích các bài hát,	3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức	3.1. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động,

gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	bản nhạc quen thuộc.	vận động theo bài hát, bản nhạc.	hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.
		3.2. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	3.2. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.
	3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	
	3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	
	3.4. Thể hiện kỹ năng nháy các động tác, các thể loại phù hợp với độ tuổi	3.5. Thể hiện kỹ năng nháy các động tác, các thể loại phù hợp với độ tuổi	3.5. Thể hiện kỹ năng nháy các động tác, các thể loại phù hợp với độ tuổi

E. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.
- **Giao lưu hoạt động thể thao, các trò chơi vận động.**

2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

- Tổ chức các hoạt động thực hành kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi.

- Tổ chức các hoạt động Montesory, Steam.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan...

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

- Thực hiện phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm

- Vận dụng phương pháp Steam trong các hoạt động khám phá, thực hành, trải nghiệm.

- Vận dụng phương pháp Montesory trong các hoạt động luyện tập.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (quan sát, làm mẫu, minh họa)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

- Vận dụng phương pháp Steam trong các hoạt động thực hành, trải nghiệm.

3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.

+ Tên các góc chơi đảm bảo tính mở; Màu sắc trong lớp sáng (không rực rỡ), sạch, đưa thiên nhiên vào lớp.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Có các nguyên liệu thiên nhiên: Lá, cành cây, hạt hạt, cọng rơm...

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Khu vui chơi thể chất, Khu sáng tạo, góc thư viện, Phòng Montesory

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.
- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.
- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

G. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

I. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

II. ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

Theo dõi, đánh giá thường xuyên sự phát triển của trẻ và xem xét các mục tiêu của chương trình, để có kế hoạch tổ chức hướng dẫn hoạt động phù hợp với sự phát triển của cá nhân trẻ và của lớp.

Phát hiện và tạo điều kiện phát triển năng khiếu cho trẻ.

Phối hợp chặt chẽ giữa gia đình với nhà trường và cộng đồng để chăm sóc giáo dục trẻ tốt nhất.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối với Ban giám hiệu

- Hiệu trưởng xây dựng chương trình giáo dục nhà trường
 - Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục nhà trường tới đội ngũ.
 - Chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, kinh phí để thực hiện chương trình.
 - Phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình của Phó hiệu trưởng, Phê duyệt kế hoạch của các tổ chuyên môn, các giáo viên.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên xây dựng kế hoạch soạn giáo án trên máy vi tính, đầu tư mua các tài liệu cho CBGV tham khảo.

- Kiểm tra, đôn đốc, giám sát, hỗ trợ các tổ chuyên môn và giáo viên trong quá trình thực hiện.

- Tổ chức cho CBGV đi tham quan học tập các trường trọng điểm trong huyện, trong huyện, thành phố .

- Tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm, đánh giá, điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường cho phù hợp.

2. Đối với tổ trưởng, khối trưởng

- Phối hợp với BGH kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch.

- Phối hợp với BGH bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên. Sinh hoạt tổ chuyên môn 2 lần/tháng. Lần 1, Lần 2 các khối kiến tập dự giờ đồng nghiệp, chuẩn bị nguyên vật liệu phục vụ cho mỗi chủ đề.

- Căn cứ vào kế hoạch của nhà trường tổ trưởng, khối trưởng xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục từng chủ đề phù hợp với từng độ tuổi về yêu cầu phát triển các lĩnh vực.

3. Đối với giáo viên

- Xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch giáo dục tháng/chủ đề, kế hoạch giáo dục tuần, ngày linh hoạt phù hợp với nhận thức của trẻ và điều kiện của nhóm, lớp.

- Tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục theo kế hoạch, thực hiện tốt việc đánh giá trẻ và điều chỉnh kế hoạch.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động.
- Tích cực bồi dưỡng chuyên môn, đặc biệt ứng dụng các phương pháp tiên tiến vào dạy trẻ như phương pháp Montessori, steam, tổ chức các hoạt động cho trẻ thông qua vui chơi, trải nghiệm để trẻ nắm bắt kiến thức, kỹ năng.

Trên đây là chương trình giáo dục giai đoạn 2024-2027 của trường Mầm non Phúc Lâm, yêu cầu CBQLGV xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định phù hợp với độ tuổi, điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Trong quá trình thực hiện có sự điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh thực tế để đạt được kết quả tốt nhất trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường./.

Nơi gửi:

- UBND xã(Đề b/c)
- CBGVNV(Đề t/h)

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hiên